

**BÁO CÁO**  
**Giá thị trường tháng 01 năm 2026**

Thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28/01/2025 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND 19/9/2025 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28/01/2025 của UBND tỉnh Lai Châu. Trên cơ sở báo cáo của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Sở Tài chính tỉnh Lai Châu báo cáo tình hình giá thị trường tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

**I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 01 NĂM 2026**

1. Mặt bằng giá cả thị trường và diễn biến mặt bằng giá cả thị trường hàng hóa dịch vụ; nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, giá hàng hóa dịch vụ:

Tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu tháng 01/2026 so với tháng 12/2025 cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cho nhân dân, không xảy ra tình trạng sốt hàng hay tăng giá bất hợp lý làm bất ổn thị trường.

Các nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch, nhóm may mặc, mũ nón giày dép, nhóm hàng hoá và dịch vụ khác, Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD; Thiết bị và đồ dùng gia đình, nhóm giáo dục. Nhóm hàng hóa, dịch vụ giảm: nhóm giá mặt hàng nhiên liệu xăng dầu được điều chỉnh giảm theo giá nguyên liệu, nhiên liệu trong nước và thế giới là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 01/2026 tăng 0,36% so với tháng trước.

2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI):

- Theo số liệu của Thống kê tỉnh Lai Châu tại báo cáo số 59/BC-TKT ngày 27/01/2026, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2026 tỉnh Lai Châu tăng 0,36% so với tháng trước và tăng 3,04% so với kỳ gốc 2024.

|                                         | Chỉ số giá tháng báo cáo so với: |                  |                  |                | Bình<br>quân<br>cùng<br>kỳ |
|-----------------------------------------|----------------------------------|------------------|------------------|----------------|----------------------------|
|                                         | Kỳ gốc<br>2024                   | Tháng<br>01/2024 | Tháng<br>12/2025 | Tháng<br>trước |                            |
| <b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>             | <b>103,04</b>                    | <b>100,82</b>    | <b>100,36</b>    | <b>100,36</b>  | <b>100,82</b>              |
| I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống           | 106,62                           | 102,92           | 101,35           | 101,35         | 102,92                     |
| Trong đó: 1- Lương thực                 | 104,90                           | 99,97            | 100,43           | 100,43         | 99,97                      |
| 2- Thực phẩm                            | 106,95                           | 103,69           | 101,42           | 101,42         | 103,69                     |
| 3- Ăn uống ngoài gia đình               | 106,48                           | 101,61           | 101,75           | 101,75         | 101,61                     |
| II. Đồ uống và thuốc lá                 | 102,17                           | 99,91            | 100,00           | 100,00         | 99,91                      |
| III. May mặc, mũ nón và giày dép        | 100,39                           | 99,34            | 100,66           | 100,66         | 99,34                      |
| IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD | 102,66                           | 100,96           | 100,36           | 100,36         | 100,96                     |
| V. Thiết bị và đồ dùng gia đình         | 103,05                           | 99,33            | 100,26           | 100,26         | 99,33                      |
| VI. Thuốc và dịch vụ y tế               | 108,10                           | 100,08           | 100,00           | 100,00         | 100,08                     |
| Trong đó: Dịch vụ y tế                  | 111,80                           | 100,00           | 100,00           | 100,00         | 100,00                     |
| VII. Giao thông                         | 93,47                            | 96,50            | 97,75            | 97,75          | 96,50                      |
| VIII. Thông tin và truyền thông         | 100,77                           | 99,65            | 99,65            | 99,65          | 99,65                      |
| IX. Giáo dục                            | 100,68                           | 100,74           | 100,10           | 100,10         | 100,74                     |
| Trong đó: Dịch vụ giáo dục              | 100,00                           | 100,00           | 100,00           | 100,00         | 100,00                     |
| X. Văn hóa, giải trí và du lịch         | 102,94                           | 102,17           | 101,01           | 101,01         | 102,17                     |
| XI. Hàng hóa và dịch vụ khác            | 103,57                           | 101,94           | 100,41           | 100,41         | 101,94                     |
| <b>Chỉ số giá vàng</b>                  | <b>202,81</b>                    | <b>178,93</b>    | <b>104,34</b>    | <b>104,34</b>  | <b>178,93</b>              |
| <b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>              | <b>105,19</b>                    | <b>103,30</b>    | <b>99,91</b>     | <b>99,91</b>   | <b>103,30</b>              |

Diễn biến chỉ số giá một nhóm ngành tháng 01 năm 2026 so với tháng 12 năm 2025, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 07 nhóm tăng giá; 02 nhóm giảm giá so với tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,35%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,01%; nhóm may mặc, mũ nón giày dép tăng 0,66%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,41%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,36%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,26%; nhóm giáo dục tăng 0,1%; nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,35%; nhóm giao thông giảm 2,25%; 02 nhóm ổn định: nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm thuốc và dịch vụ y tế có mức giá ổn định so với tháng trước.

Trong tháng giá vàng tăng 4,34% và giá Đô la Mỹ giảm 0,09% so với tháng trước.

- Thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI: Tháng 01/2026 giá lương thực, thực phẩm tươi sống tăng ở hầu hết các mặt hàng do nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp giáp tết Nguyên Đán và ảnh hưởng bởi thời tiết; giá thịt gia súc, gia cầm tăng, giá lợn hơi tăng do nhu cầu người dân tăng, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch, nhóm may mặc, mũ nón

giày dép, nhóm hàng hoá và dịch vụ khác, nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD, thiết bị và đồ dùng gia đình, nhóm giáo dục tăng; đồng thời nhóm giao thông giảm chủ yếu là do giá mặt hàng nhiên liệu xăng, dầu điều chỉnh giảm trong tháng và nhóm thông tin và truyền thông giảm là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh tháng 01/2026 tăng 0,36% so với tháng trước, tăng 0,82% so với cùng tháng năm trước. Giá vàng, giá đôla Mỹ trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng của giá vàng, giá đôla thế giới và giá trong nước.

3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ: Có Bảng phụ lục kèm theo.

## **II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THIẾT YẾU**

Trong tháng, giá thóc tẻ thường (khang dân) giao động từ 11.000-13.000 đồng/kg (bình quân tăng 500 đồng/kg); thóc tám thơm giao động từ 14.000-16.000 đồng/kg (bình quân tăng 500 đồng/kg); giá gạo tẻ thường (khang dân) dao động từ 18.400-19.000 đồng/kg; gạo tám thơm dao động từ 18.500-21.000 đồng/kg (bình quân tăng 250 đồng/kg);

- Giá thịt lợn hơi (lợn trắng) dao động từ 70.000-72.500 đồng/kg (bình quân tăng 2.500 đồng/kg); giá thịt lợn thăn (lợn trắng) giao động từ 150.000 - 155.000 đồng/kg (bình quân tăng 2.500 đồng/kg); giò lụa 130.000 - 150.000 đồng/kg; giá thịt bò dao động từ 250.000-260.000 đồng/kg;

- Giá thịt gà ta dao động từ 150.000-170.000 đồng/kg; gà công nghiệp dao động từ 115.000-135.000 đồng/kg (bình quân tăng 2.500 đồng/kg);

- Giá rau, củ quả tươi có biến động tăng/giảm tùy mặt hàng so với tháng trước do thời tiết thuận lợi; năng suất gieo trồng, thu hoạch rau củ tăng; nguồn cung dồi dào, ngoài ra một số loại rau, củ, quả do vào vụ cho sản lượng lớn đáp ứng được nhu cầu thị trường đã tác động đến giá bán giảm sâu trong tháng.

- Giá bán lẻ gas Petrolimex trên địa bàn các xã, phường trong tháng ổn định so với tháng trước, từ 485.000 - 505.000 đ/bình/12kg; giá nước sạch sinh hoạt ổn định. Trong tháng Công ty TNHH MTV xăng dầu Lai Châu có 05 lần điều chỉnh giá bán lẻ xăng, dầu do đó ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng trong tháng.

- Có 02 nhóm có mức giá ổn định so với tháng trước: Nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm thuốc và dịch vụ y tế.

## **III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ**

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá:

Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 103/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo

dục thường xuyên công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2025-2026.

Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 13/01/2026 về việc tổ chức Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/01/2026 về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Công văn số 753/UBND-KTN ngày 30/01/2026 về việc tăng cường các giải pháp quản lý, bình ổn giá vật liệu xây dựng.

3. Công tác định giá của tỉnh: Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu tại tờ trình số 6467/TTr-SNNMT ngày 31/12/2025.

4. Tình hình thực hiện kê khai giá: Trong tháng 01/2026 các cơ quan chuyên môn trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp nhận 02 lượt kê khai giá (*hồ sơ kê khai giá ga*) đảm bảo đúng thời gian quy định.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá: Không có.

6. Các nội dung liên quan khác

- Tổng hợp, thực hiện chế độ báo cáo tình hình giá cả thị trường đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Sở Xây dựng có Công văn số 455/SXD-KT&VLXD ngày 23/01/2026 về việc triển khai một số nội dung xác định giá vật liệu xây dựng đến hiện trường công trình và xác định đơn giá nhân công xây dựng trong trường hợp công bố giá của địa phương không phù hợp.

- Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành Thông báo số 02/TB-UBND ngày 16/01/2026 Thông báo bổ sung Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Thông báo số 03/TB-UBND ngày 21/01/2026 Thông báo bổ sung Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tham mưu UBND tỉnh báo cáo số 64/BC-UBND ngày 29/01/2026 về tình hình thực hiện công tác định giá tài sản trong tổ tụng hình sự năm 2025.

- Tham gia Hội đồng tiêu hủy vật chứng tài sản của Cục thi hành án dân sự 01 lượt; tiếp nhận tài sản tịch thu bàn giao từ Cục thi hành án dân sự tỉnh 01

lượt; Tiếp tục tham mưu bán đấu giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do Cục thi hành án dân sự chuyên giao; cơ quan chuyên môn (Sở nông nghiệp và Môi trường) tham mưu UBND tỉnh 01 quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh theo đó Hội đồng đã xây dựng kế hoạch định giá tài sản và ban hành 01 kết luận định giá tài sản theo 01 yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự; báo cáo tình hình, kết quả công tác giám định, định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đảm bảo thời gian quy định.

#### **IV. DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG**

1. Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tháng 02 năm 2026.

- Nhóm hàng lương thực, thực phẩm như: thóc, gạo tẻ thường, gạo tẻ ngon, gạo nếp, giá thịt gia súc, gia cầm, mặt hàng hải sản tươi sống tăng do nhu cầu người tiêu dùng tăng; các mặt hàng rau củ, quả có sự biến động tùy theo mùa vụ.

- Nhóm giáo dục ổn định;

- Nhóm vật tư nông nghiệp; Nhóm giải trí và du lịch; Nhóm đồ uống, bánh kẹo, thuốc lá; Nhóm giao thông; Nhóm vật liệu xây dựng, chất đốt có xu hướng tăng.

- Thuốc chữa bệnh cho người, dịch vụ y tế có xu hướng tăng.

- Giá vàng, Giá xăng dầu, giá Gas, giá Đô la Mỹ biến động theo giá trong nước và thế giới.

2. Dự kiến phương án điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: Không có

#### **V. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ**

- Chủ động theo dõi tình hình biến động của giá cả thị trường, tổng hợp báo cáo của các Sở, ngành, kịp thời báo cáo tình hình giá cả thị trường hàng tháng đảm bảo đúng quy định theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, chế độ báo cáo giá thị trường.

- Chủ động nắm bắt điều hành giá cả thị trường theo chức năng nhiệm vụ, theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính; phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng; UBND các xã, phường và các cơ quan đơn vị có liên quan theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thuộc lĩnh vực quản lý để có biện pháp, giải pháp quản lý điều hành phù hợp, kịp thời; chủ động dự báo và có phương án đảm bảo cân đối cung cầu, điều tiết hoạt động sản xuất, bảo đảm cung ứng, lưu thông, phân phối, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng, tăng

giá đột biến, nhất là các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu như xăng dầu, vật liệu xây dựng, lương thực, thực phẩm, giống vật tư nông nghiệp, dịch vụ vận tải,....

- Tiếp tục rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tham mưu UBND tỉnh quyết định phải bãi bỏ, sửa đổi bổ sung, ban hành mới theo quy định Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Tiếp tục tham mưu bán đấu giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do Thi hành án dân sự tỉnh chuyển giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác (nếu có).

Trên đây là báo cáo giá thị trường và công tác quản lý giá tháng 01 năm 2026, Sở Tài chính tỉnh Lai Châu Báo cáo Cục quản lý Giá - Bộ Tài chính theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Cục QLGS - BTC (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc sở (b/c);
- Ban chỉ đạo 389;
- Các Sở: Nông nghiệp & Môi trường, Công thương, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT của Sở (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, QLGS.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Quý Dương**